

THÔNG TIN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 02/QĐ-ĐHTĐ ngày 02 tháng 01 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Thành Đô
Tên tiếng Anh: Thanh Do University
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: TDD
- Địa chỉ: Km15, Quốc lộ 32, Hoài Đức, Hà Nội.
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.thanhdo.edu.vn
Email: admission@thanhdouni.edu.vn.
- Điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0934.07.8668 - 02433.861.601
- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh, thông tin tuyển sinh: www.thanhdo.edu.vn
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động cơ sở đào tạo: www.thanhdo.edu.vn

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ.

1. Đối tượng dự tuyển.

1.1 Công dân Việt Nam

- Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam .

- Ứng viên đáp ứng các yêu cầu về năng lực ngoại ngữ khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

+ Người dự tuyển không có chứng chỉ, văn bằng ngoại ngữ như quy định ở trên cần đăng ký tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) do Trường Đại học Thành Đô tổ chức.

1.2 Người nước ngoài

a) Có trình độ tiếng Việt đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của chương trình đào tạo, cụ thể đáp ứng một trong các điều kiện sau:

b) Có chứng chỉ tiếng Việt tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, do các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép cấp và chứng chỉ còn hiệu lực trong thời hạn 02 năm kể từ ngày ký.

c) Có bằng tốt nghiệp Đại học ngành tiếng Việt hoặc ngôn ngữ sử dụng trong học tập là tiếng Việt.

d) Có đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu, được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận.

e) Có khả năng tài chính bảo đảm việc học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam trong suốt thời gian học tập theo quy định.

g) Có lý lịch rõ ràng, không trong thời gian chấp hành án hình sự, không vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia nơi đang cư trú.

Lưu ý: Các văn bằng và bằng điểm đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

2.1. Tiêu chí xét tuyển

Xét tuyển theo kết quả trung bình chung tích lũy của bằng đại học: Mức điểm xét tuyển đạt từ 2.0 trở lên đối với Hệ 4.0 và 5.0 trở lên đối với Hệ 10.

2.2. Nguyên tắc xét tuyển

Điểm trúng tuyển được lấy từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Nếu điểm xét tuyển bằng nhau sẽ tính đến tiêu chí năng lực ngoại ngữ.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (Dự kiến)
1	Quản lý kinh tế	8310110	25
2	Dược lý và dược lâm sàng	8720205	25
3	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	8220241	25

3. Các thông tin cần thiết khác

3.1. Lệ phí xét tuyển: 2.100.000 VNĐ/1 hồ sơ.

3.2. Học phí, học bổng

- Học phí

TT	Ngành đào tạo	Tổng số tín chỉ	Đơn giá/tín chỉ
1	Quản lý kinh tế	60	1.200.000

TT	Ngành đào tạo	Tổng số tín chỉ	Đơn giá/tín chỉ
2	Dược lý và dược lâm sàng	60	1.500.000
3	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	60	1.400.000

- Học bổng: Nhà trường có các chính sách miễn giảm học phí theo từng đợt cho học viên (chi tiết tại website: www.thanhdo.edu.vn).

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức.

3.3.1. Ngành phù hợp với ngành Quản lý kinh tế

Nhóm	Ngành phù hợp	Học phần bổ sung kiến thức/ Số tín chỉ	Tổng số tín chỉ
1	Kinh tế; Kinh tế phát triển; Kinh tế Quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; Kinh tế chính trị;	1. Khoa học quản lý 2. Quản lý nhà nước về kinh tế 3. Hệ thống thông tin quản lý	6
2	Quản trị Kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính - Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học Quản lý; Quản lý công; Quản lý nhà nước; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống; Kinh doanh xuất bản phẩm; Kinh doanh nông nghiệp.	1. Khoa học quản lý 2. Quản lý nhà nước về kinh tế 3. Hệ thống thông tin quản lý 4. Kinh tế phát triển 5. Kinh tế học nâng cao	10
3	Luật kinh tế; Kinh tế công nghiệp; Kinh tế xây dựng; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế gia đình; Kinh tế vận tải; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.	1. Khoa học quản lý 2. Quản lý nhà nước về kinh tế 3. Hệ thống thông tin quản lý 4. Kinh tế phát triển 5. Kinh tế học nâng cao 6. Quản trị kinh doanh 7. Quản lý tài chính công	14
4	Quản lý giáo dục; Quản lý văn hóa; Quản lý Nhà nước; Quản lý	1. Khoa học quản lý 2. Quản lý nhà nước về kinh tế	

Nhóm	Ngành phù hợp	Học phần bổ sung kiến thức/ Số tín chỉ	Tổng số tín chỉ
	thông tin; Quản lý công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Quản lý đô thị và công trình; Quản lý xây dựng; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý thủy sản; Tổ chức và quản lý y tế; Quản lý bệnh viện; Quản lý thể dục thể thao; Quản lý hoạt động bay; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; Quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự; Quản lý trật tự an toàn giao thông; Chỉ huy, Quản lý kỹ thuật; Du lịch; Quan hệ quốc tế.	3. Hệ thống thông tin quản lý 4. Kinh tế phát triển 5. Kinh tế học nâng cao 6. Quản trị kinh doanh 7. Quản lý tài chính công 8. Kinh tế quốc tế 9. Kinh tế công cộng	18
5	Ngành phù hợp khác	Một số chuyên ngành khác về lĩnh vực Quản trị hoặc Quản lý do Hội đồng khoa học và Đào tạo của Nhà trường quyết định.	

3.3.2. Ngành phù hợp với ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu

Nhóm	Ngành phù hợp	Học phần bổ sung kiến thức	Tổng số tín chỉ
1	Ngành đúng và ngành phù hợp: Ngôn ngữ học; Văn học, Ngữ Văn (cử nhân/sư phạm), Hán Nôm, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	Miễn	
2	Ngành gần: - Ngôn ngữ: Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Italia, Nhật, Hàn Quốc, Ả rập, Jrai, Khmer, H'mong, Chăm. - Sư phạm Tiếng: Bana, Êđê, Jrai, Khmer, H'mong, Chăm, M'nông, Xêđăng, Anh, Nga, Pháp, Trung Quốc, Đức, Nhật, Hàn Quốc. - Lí luận và phê bình sân khấu, Biên kịch sân khấu, Lí luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình, Biên kịch điện ảnh - truyền hình, Sáng tác văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, - Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Văn hóa học, Du lịch, Nhân học, Xã hội học, Triết học, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính.	1. Cơ sở Ngôn ngữ học 2. Dẫn nhập ngữ pháp tiếng Việt 3. Dẫn nhập ngữ nghĩa tiếng Việt 4. Dẫn nhập phương ngữ học tiếng Việt	8
3	Ngành phù hợp khác do Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường quyết định.	1. Cơ sở Ngôn ngữ học 2. Dẫn nhập ngữ pháp tiếng Việt 3. Dẫn nhập ngữ nghĩa tiếng Việt 4. Dẫn nhập phương ngữ học tiếng Việt 5. Dẫn nhập ngữ dụng học tiếng Việt 6. Phong cách học tiếng Việt	12

3.3.3. Ngành phù hợp ngành Dược lý và dược lâm sàng: Dược học

3.4. Chứng chỉ ngoại ngữ

3.4.1 Công dân Việt Nam

- Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*Danh sách được cập nhật theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo*):

Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
		Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
	TOEFL ITP	450-499	
	IELTS	4.0 - 5.0	5.5-6.5
	Aptis ESOL	B1	B2
	VEPT	B1	
	Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill Thang điểm 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill Thang điểm 160-179
	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179

- Danh mục các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*Danh sách được cập nhật theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

TT	Đơn vị	TT	Đơn vị
1	Trường ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	20	Học viện Khoa học Quân sự
2	Trường ĐH Ngoại ngữ - Đại học Huế	21	Trường ĐH Kinh tế - Tài chính TP.HCM
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
4	Trường ĐH Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
5	Đại học Thái Nguyên	24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
6	Trường Đại học Cần Thơ	25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội	26	Trường Đại học Ngoại thương
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
9	Trường Đại học Vinh	28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
10	Trường Đại học Sài Gòn	29	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
11	Trường ĐH Ngân hàng TP. HCM	30	Trường Đại học Lạc Hồng

TT	Đơn vị	TT	Đơn vị
12	Trường Đại học Trà Vinh	31	Trường Đại học Đồng Tháp
13	Trường Đại học Văn Lang	32	Đại học Duy Tân
14	Trường Đại học Quy Nhơn	33	Trường Đại học Phenikaa
15	Trường Đại học Tây Nguyên	34	Học Viện Ngân hàng
16	Học viện An ninh Nhân dân	35	Trường Đại học Tài chính- Marketing
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền	36	Trường Đại học Thành Đông
18	Trường Đại học Công thương TP. HCM	37	Trường Đại học Mở TP. HCM
19	Trường Đại học Thương mại	38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

3.4.2 Người nước ngoài

Danh mục các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. (Danh sách được cập nhật theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Đơn vị
1	Trường Đại học Quảng Nam, tỉnh Quảng Nam
2	Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên - Huế
3	Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Huế
4	Trường Đại học Cửu Long, tỉnh Vĩnh Long
5	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
7	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
8	Trường Hữu Nghị 80
9	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên
10	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
11	Trường Hữu Nghị T78
11	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng
13	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
14	Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An
15	Trường Đại học Hạ Long
16	Trường Cao đẳng Sơn La

3.5. Hồ sơ đăng ký

3.5.1 Công dân Việt Nam

- 01 Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu), đăng tải tại website: www.thanhdo.edu.vn.
- 01 bản sao công chứng bằng tốt nghiệp, bảng điểm Đại học;

- c) 01 bản sao công chứng văn bằng và chứng chỉ ngoại ngữ;
- d) 01 bản sao giấy khai sinh, bản sao căn cước hoặc căn cước công dân, giấy tờ ưu tiên (nếu có).

3.5.2 Người nước ngoài

- 01 đơn đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định.
- 01 bản sao công chứng và bản dịch sang tiếng Việt bằng tốt nghiệp và bằng điểm bậc đại học.
- 01 giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu; thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
- 01 bản sao các giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, bảo đảm cho việc học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam trong thời gian học tập.
- 01 bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam, hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến nhập cảnh Việt Nam.
- 01 bản sao công chứng chứng chỉ tiếng Việt đạt tối thiểu Bậc 4 theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận, hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

3.6. Đăng ký và nộp hồ sơ

- **Cách 1:** Đăng ký trực tuyến tại :

Website: <https://tuyensinh.thanhdo.edu.vn/>

Fanpage: <https://www.facebook.com/truongdaihocthanhdo>

hoặc quét mã QR đăng ký



- **Cách 2:** Đăng ký trực tiếp tại trường hoặc chuyển phát qua đường bưu điện

- Văn phòng Tuyển sinh số 1 - Tầng 1, Nhà A, Trường Đại học Thành Đô

Km 15, Quốc lộ 32, Hoài Đức, Hà Nội

- Văn phòng Tuyển sinh số 2: Số 8, Phố Kiều Mai, Xuân Phương, Hà Nội

Hotline: 0934.078.668, 02433.861.601

3.7. Tổ chức tuyển sinh

Đợt	Thời gian nhận hồ sơ	Thời gian xét tuyển (Dự kiến)	Thời gian công bố kết quả trúng tuyển (Dự kiến)	Thời gian nhập học (Dự kiến)
1	16/02/2026	08/05/2026	22/05/2026	30/05/2026
2	01/06/2026	11/09/2026	19/09/2026	26/09/2026
3	01/10/2026	11/12/2026	19/12/2026	26/12/2026

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

1. Đối tượng dự tuyển

1.1 Công dân Việt Nam

Người dự tuyển trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

1.1.1 Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành và chương trình đào tạo dự tuyển trình độ tiến sĩ.

(Danh mục ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành Quản lý kinh tế được quy định tại mục 4.7)

1.1.2. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

1.1.3. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa;

- Dự thảo đề cương nghiên cứu bao gồm bài luận định hướng nghiên cứu (làm rõ Lý do chọn hướng nghiên cứu, mục tiêu và phạm vi hướng nghiên cứu, năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu, Lý do chọn cơ sở đào tạo...) và dự thảo bố cục đề cương của các nội dung nghiên cứu.

- Dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa trên cơ sở chương trình đào tạo tiến sĩ quản Lý kinh tế đã được ban hành của Trường Đại học Thành Đô.

1.1.4. Có thư giới thiệu của 01 nhà khoa học (có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu). Thư giới thiệu phải có nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu ứng viên làm nghiên cứu sinh.

1.1.5. Có văn bằng hoặc chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ, cụ thể như sau:

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và đào

tạo công bố (*quy định tại mục 4.8*).

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Trường quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.1.6. Được giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ bởi cơ quan quản lý nhân sự (đối với người đã có việc làm) hoặc cơ sở đào tạo (nơi sinh viên vừa tốt nghiệp); hoặc được xác nhận nhân thân bởi chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với người làm nghề tự do).

1.2 Người nước ngoài

Người dự tuyển trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành và chương trình đào tạo dự tuyển trình độ tiến sĩ.

Danh mục ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành Quản lý kinh tế được quy định tại phụ lục I kèm theo.

b) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

c) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa

- Dự thảo đề cương nghiên cứu bao gồm bài luận định hướng nghiên cứu (làm rõ lý do chọn hướng nghiên cứu, mục tiêu và phạm vi hướng nghiên cứu, năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu, lý do chọn cơ sở đào tạo...) và dự thảo bố cục đề cương của các nội dung nghiên cứu.

- Dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa trên cơ sở chương trình đào tạo tiến sĩ quản lý kinh tế đã được ban hành của Trường Đại học Thành Đô.

d) Có thư giới thiệu của 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (nhận xét về đạo đức và năng lực nghiên cứu)

e) Các điều kiện khác

- Có đủ trình độ tiếng Việt đáp ứng theo yêu cầu học tập, nghiên cứu của chương trình đào tạo, cụ thể đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- + Có chứng chỉ tiếng Việt tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt

dùng cho người nước ngoài được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép và chứng chỉ còn giá trị trong thời hạn 02 năm kể từ ngày kí.

+ Có bằng tốt nghiệp Đại học hoặc trình độ tương đương trở lên ngành tiếng Việt hoặc ngôn ngữ sử dụng trong học tập là tiếng Việt.

- Có đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu được các cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, không vi phạm pháp luật của Việt Nam và nước sở tại.

- Được giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ: Riêng người dự tuyển là công dân nước ngoài có thể được giới thiệu bởi cơ quan quản lý nhân sự, cơ sở đào tạo bậc đại học/thạc sĩ hoặc đại sứ quán của quốc gia mà công dân đó được bảo hộ.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh:

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

2.1. Tiêu chí.

Các Tiểu ban xét tuyển sẽ đánh giá, phân loại thí sinh qua hồ sơ dự tuyển, trình bày đề cương nghiên cứu và trả lời các câu hỏi đặt ra của các thành viên Tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh theo thang điểm 100.

2.2. Nguyên tắc xét tuyển.

Điểm trúng tuyển được lấy từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Nếu điểm xét tuyển bằng nhau sẽ tính đến tiêu chí năng lực ngoại ngữ.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu (Dự kiến)
1	Quản lý kinh tế	9310110	15

4. Các thông tin cần thiết khác

4.1. Lệ phí xét tuyển: 2.100.000 VNĐ/ 1 hồ sơ.

4.2. Học phí, học bổng

- Học phí

TT	Ngành đào tạo	Tổng số tín chỉ	Đơn giá/ tín chỉ
1	Đối tượng người dự tuyển tốt nghiệp trình độ thạc sĩ	90	1.600.000
2	Đối tượng người dự tuyển tốt nghiệp trình độ đại học	120	1.600.000

- Học bổng: Nhà trường có các chính sách miễn giảm học phí theo từng đợt cho học viên (chi tiết tại website: www.thanhdo.edu.vn).

4.3. Hồ sơ đăng ký

4.3.1 Công dân Việt Nam

a) 01 phiếu đăng ký dự tuyển có xác nhận của cơ quan giới thiệu dự tuyển - đăng tải

tại website: www.thanhdo.edu.vn

b) 01 bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

- 01 bản sao công chứng bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học
- 01 bản sao công chứng bằng và bảng điểm thạc sĩ (không yêu cầu đối với người dự tuyển bậc đại học)

- 01 bản sao công chứng minh chứng về năng lực ngoại ngữ.

Lưu ý: Các văn bằng và bảng điểm đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

c) 01 bản gốc thư giới thiệu theo quy định.

d) 01 công văn giới thiệu dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

e) 01 bản gốc dự thảo đề cương nghiên cứu của người dự tuyển.

g) 01 bản sao (các) bài báo hoặc báo cáo khoa học của người dự tuyển.

Lưu ý:

- Mỗi bài báo hoặc báo cáo khoa học cần được sao chụp trang bìa (tạp chí hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học), trang mục lục và nội dung bài viết. Riêng kỷ yếu hội nghị, hội thảo cần sao chụp thêm trang có mã xuất bản ISBN.

- Nếu có số bài báo hoặc báo cáo khoa học nhiều hơn quy định thì người dự tuyển cần đóng thành tập và sắp xếp theo trật tự của bản kê khai danh mục ở trang bìa, trong đó tách rõ phần chấm điểm theo quy định (1 bài báo hoặc báo cáo khoa học) và phần chấm điểm thưởng (gồm các bài còn lại).

l) 02 ảnh 3x4, nền trắng, ghi rõ họ tên và ngày sinh của người dự tuyển sau ảnh.

4.3.2 Người nước ngoài

a) 01 phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Thành Đô)

b) 01 bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học
- Bằng và bảng điểm thạc sĩ (không yêu cầu đối với người dự tuyển từ bậc đại học)
- Bản sao minh chứng về năng lực ngoại ngữ

Lưu ý: Các văn bằng và bảng điểm đại học/thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

c) 01 bản gốc thư giới thiệu

d) 01 công văn giới thiệu dự tuyển

e) 01 bản gốc dự thảo đề cương nghiên cứu của người dự tuyển

g) 01 bản sao (các) bài báo hoặc báo cáo khoa học của người dự tuyển.

Lưu ý:

- Mỗi bài báo hoặc báo cáo khoa học cần được sao chụp trang bìa (tạp chí hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học), trang mục lục và nội dung bài viết.

- Nếu có số bài báo hoặc báo cáo khoa học nhiều hơn quy định, thì người dự tuyển cần đóng thành tập và sắp xếp theo trật tự của bản kê khai danh mục ở trang bìa, trong đó tách rõ phần chấm điểm theo quy định (1 bài báo hoặc báo cáo khoa học) và phần chấm điểm thưởng (gồm các bài còn lại).

h) 01 giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu; thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.

k) 01 bản sao các giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, bảo đảm cho việc học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam trong thời gian học tập.

l) 01 bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam, hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến nhập cảnh Việt Nam.

m) 02 ảnh 3x4, nền trắng, ghi rõ họ tên và ngày sinh của người dự tuyển sau ảnh.

4.4 Đăng ký và nộp hồ sơ

➤ **Cách 1:** Đăng ký trực tuyến tại :

Website: <https://tuyensinh.thanhdo.edu.vn/>

Fanpage: <https://www.facebook.com/truongdaihocthanhdo>

hoặc quét mã QR đăng ký



➤ **Cách 2:** Đăng ký trực tiếp tại trường hoặc chuyển phát qua đường bưu điện

- Văn phòng Tuyển sinh số 1 - Tầng 1, Nhà A, Trường Đại học Thành Đô
Km 15, Quốc lộ 32, Hoài Đức, Hà Nội

- Văn phòng Tuyển sinh số 2: Số 8, Phố Kiêu Mai, Xuân Phương, Hà Nội

Hotline: 0934.078.668, 02433.861.601

4.5. Tổ chức tuyển sinh

4.6. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Đợt	Thời gian nhận hồ sơ	Thời gian xét tuyển (Dự kiến)	Thời gian công bố kết quả trúng tuyển (Dự kiến)	Thời gian nhập học (Dự kiến)
1	02/02/2026	08/05/2026	22/05/2026	30/05/2026
2	01/06/2026	11/09/2026	19/09/2026	26/09/2026
3	01/10/2026	11/12/2026	19/12/2026	26/12/2026

4.7. Danh mục ngành phù hợp

TT	Mã ngành phù hợp	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tổng số tín chỉ
A. Ngành đúng				

TT	Mã ngành phù hợp	Tên ngành	Học phần bổ sung kiến thức	Tổng số tín chỉ
1	8310110	Quản lý kinh tế	Không phải học bổ sung kiến thức	
B. Ngành phù hợp nhóm 1				
2	8310101	Kinh tế học	1. Khoa học quản lý 2. Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	6
3	8310102	Kinh tế chính trị		
4	8310104	Kinh tế đầu tư		
5	8310105	Kinh tế phát triển		
6	8310106	Kinh tế quốc tế		
7	8310107	Thống kê kinh tế		
8	8310108	Toán kinh tế		
C. Ngành phù hợp nhóm 2				
9	8340101	Quản trị kinh doanh	1. Khoa học quản lý 2. Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao 3. Kinh tế vĩ mô nâng cao	9
10	8340121	Kinh doanh thương mại		
11	8340201	Tài chính - Ngân hàng		
12	8340204	Bảo hiểm		
13	8340401	Khoa học quản lý		
14	8340402	Chính sách công		
15	8340403	Quản lý công		
16	8340404	Quản trị nhân lực		
17	8340405	Hệ thống thông tin quản lý		
18	8340406	Quản trị văn phòng		
19	8340408	Quản lý khoa học và công nghệ		
20	8340409	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp		
21	8380108	Luật kinh tế		
22	8310206	Quan hệ quốc tế		
23	8310313	Phát triển bền vững		
24	8310201	Chính trị học		
D	Ngành phù hợp khác			
25	Một số chuyên ngành gần khác về Quản lý hoặc kinh tế do Hội đồng khoa học và Đào tạo của Trường Đại học Thành Đô quyết định.			

4.8. Danh sách một số chứng chỉ

4.8.1 Danh sách một số chứng chỉ tiếng Anh minh chứng cho trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển (Danh sách được cập nhật theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Aptis ESOL	B2
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

4.8.2 *Danh mục các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Danh sách được cập nhật theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

STT	Đơn vị
1	Trường Đại học Quảng Nam, tỉnh Quảng Nam
2	Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên - Huế
3	Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Huế
4	Trường Đại học Cửu Long, tỉnh Vĩnh Long
5	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
7	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
8	Trường Hữu Nghị 80

9	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên
10	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
11	Trường Hữu Nghị T78
11	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng
13	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
14	Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An
15	Trường Đại học Hạ Long
16	Trường Cao đẳng Sơn La

CÁN BỘ TUYỂN SINH

(Đã ký)

QUÁCH CÔNG GIANG

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PHAN THỊ THANH THẢO